TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2019/DS-PT
Ngày: 09 -7-2019
V/v: "*Kiện đòi quyền sử dụng đất, và yêu cầu bồi thường thiệt hại"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh
Ông Nguyễn Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 09 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về "*Kiện đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/TCDS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2019/QĐPT-DS ngày 19/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên Đơn:* Ông **Lê Văn R**, sinh năm 1971
Địa chỉ: XĐ, xã LV, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Xóm 2, Xã TP, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*
Ông **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1962.
Địa chỉ: XĐ, xã LV, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
- Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1965.
- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1979.
Đều trú tại: XĐ, xã LV, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt.
- Bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Xóm 2, Xã TP, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị P: Ông Nguyễn Văn B – Luật sư Công ty Luật SN thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

5. *Kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P.
6. *Kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn R, lời khai của các đương sự và quá trình tố tụng, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Vợ chồng ông R và vợ chồng ông Hoàng Văn T1, bà Đỗ Thị H có một đầm nuôi trồng thủy sản chung có diện tích 100.322,3m2, tại địa chỉ: Khu Z, xã LV, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Trong đó vợ chồng ông Lê Văn R có 50.000m2 diện tích đầm nuôi trồng thủy sản đã được UBND thị xã Quảng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số CC375007, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02379 ngày 12/7/2016 mang tên ông Lê Văn R, bà Nguyễn Thị N. Còn ông Hoàng Văn T1, bà Đỗ Thị H có diện tích 50.322,3m2 diện tích đầm nuôi trồng thủy sản đã được UBND thị xã Quảng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số CC375479, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02380 ngày 12/7/2016 mang tên ông Hoàng Văn T1, bà Đỗ Thị H. Diện tích đầm nuôi trồng thủy sản của gia đình ông R và diện tích đầm nuôi trồng thủy sản của gia đình ông T1 giáp với nhau và do điều kiện kinh tế khó khăn nên hai nhà chưa đắp bờ ngăn cách làm hai đầm riêng biệt. Vì thế, gia đình ông R và gia đình ông T1 thỏa thuận với nhau là mỗi bên được nuôi trồng thủy sản trong vòng 06 năm trên diện tích 100.322,3m2 và cứ tiếp tục luân phiên nhau nuôi trồng thủy sản. Theo đó hai bên thỏa thuận gia đình ông T1 sẽ sử dụng nuôi trồng thủy sản trước bắt đầu từ cuối năm 2011 đến ngày 30/12/2017, còn vợ chồng ông R được sử dụng trong vòng 06 năm từ 01/01/2018 đến ngày 30/12/2023.

Trong thời gian vợ chồng ông T1, bà H sử dụng nuôi trồng thủy sản thì vợ chồng ông T1, bà H có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị P thuê lại. Tuy nhiên đến hết ngày 30/12/2017 khi hết hạn thuê đầm mặc dù ông R và ông T1, bà H nhiều lần đến yêu cầu ông T trả lại đầm nuôi trồng thủy sản nhưng vợ chồng ông T không trả, hiện vợ chồng ông T, bà P đang chiếm giữ bất hợp pháp diện tích đầm của gia đình ông R và gia đình ông T1.

Do đó, ông R làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị P phải trả lại toàn bộ diện tích 100.322,3m2 đầm nuôi trồng thủy sản đang chiếm giữ bất hợp pháp của gia đình ông và gia đình ông T1 và buộc ông T, bà P phải bồi thường cho vợ chồng ông số tiền 77.916.600đ (tương đương với giá thuê đầm 17.000.000đ/1 ha/1 năm) tạm tính đến ngày 15/6/2018. Đồng thời công nhận biên bản cam kết ngày 05/02/2016 giữa gia đình ông và gia đình ông T1 về việc luân phiên sử dụng chung đầm nuôi trồng thủy sản.

**) Bị đơn ông Nguyễn Văn T có quan điểm trình bày:*

Ông và ông Hoàng Văn T1 có quan hệ là anh em cọc chèo. Vào đầu năm 2012 vợ chồng ông có thuê toàn bộ diện tích khoảng 10ha đầm nuôi trồng thủy sản của ông T1, tại khu Z thuộc xã LV, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (trong đó

gồm cả diện tích 5ha của ông Lê Văn R). Thời gian thuê là 3 năm, bắt đầu từ đầu năm 2012 đến đầu năm 2015, giá thuê là 200.000.000đ. Sau đó ngày 14/2/2013 vợ chồng ông T1 có bán lại cho vợ chồng ông T 2,5ha trong diện tích 50.322,3m2 diện tích đầm nuôi trồng thủy sản của ông bà (tương đương 1/4 diện tích tổng 10ha) với giá là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), theo hình thức trừ khoản nợ mà trước đó vợ chồng ông đã vay của vợ chồng ông T. Việc mua bán đầm giữa gia đình ông T và ông T1, bà H chỉ viết giấy tay, không làm thủ tục công chứng hay chứng thực.

Nay ông Lê Văn R khởi kiện vợ chồng ông phải trả toàn bộ diện tích đầm, ông T đồng ý trả 7,5ha đầm, còn lại 2,5ha đầm ông không đồng ý trả lại vì 2,5ha đầm ông đã mua của ông T1, bà H. Còn việc ông R yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại ông không đồng ý, vì ông không liên quan đến ông R. Khi trả 7,5ha đầm, ông không đề nghị gì về vật nuôi cây trồng, đầm của ai nuôi thì người đó được hưởng.

**) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Văn T1 trình bày:*

Về diện tích 100.322,3m2 đầm tại khu Z, xã LV, thị xã Quảng Yên nguồn gốc là do vợ chồng ông bà khai hoang từ khoảng năm 2000. Đến năm 2011 ông, bà chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông R ½ diện tích (tương đương 50.000m2), còn lại ½ diện tích khoảng 50.322,3m2 là thuộc quyền sử dụng của ông bà. Hai gia đình đã được UBND thị xã Quảng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất vào ngày 12/7/2016. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên 2 gia đình chưa đắp bờ ngăn làm hai đầm riêng biệt.

Vào thời điểm năm 2011 ông bà và vợ chồng ông R thỏa thuận với nhau là ông bà được quyền sử dụng nuôi trồng thủy sản trước trong vòng 06 năm từ năm 2011 đến ngày 30/12/2017, còn vợ chồng ông R sử dụng và khai thác nuôi trồng thủy sản 6 năm sau từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/12/2023, sau đó cứ thế luân phiên nhau sử dụng.

Trong khoảng thời gian ông T1, bà H được sử dụng nuôi trồng khai thác thủy sản, đầu năm 2012 ông bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị P thuê lại toàn bộ diện tích đầm là 100.322,3m2. Ông bà thỏa thuận với vợ chồng ông T là thuê trong vòng 03 năm, từ đầu năm 2012 đến đầu năm 2015 với giá là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*). Sau đó ngày 04/3/2012 ông bà thỏa thuận chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông T 2,5ha trong phần diện tích 50.322,3m2 đầm của ông, bà với giá là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Số tiền này được trừ vào số tiền bà H nợ vợ chồng ông T trước đó.

Sau đó hết hạn 03 năm thuê đầm ông bà có đòi lại 7,5 ha đầm còn lại nhưng ông T, bà P không trả. Do đó vợ chồng ông T và ông bà đã thỏa thuận lại với nhau nội dung ông bà không nhượng lại diện tích 2,5 ha đầm cho vợ chồng ông T nữa mà tiếp tục cho vợ chồng ông T thuê lại làm tiếp toàn bộ diện tích đầm trong thời hạn 03 năm tiếp theo từ đầu năm 2015 đến hết ngày 30/12/2017, số tiền thuê đầm được trừ vào số tiền 300.000.000đ trừ nợ trước đó. Còn việc vợ chồng ông T trình bày đầu năm 2015 không thuê toàn bộ diện tích đầm và không sử dụng đầm là

không đúng. Ngoài ra ông T1 còn có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đầm ngày 04/3/2012 vô hiệu và ông không đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

**) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày:* Bà hoàn toàn đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của ông R, và phần trình bày quan điểm cũng như yêu cầu độc lập của ông T1.

**) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P trình bày:* Bà hoàn toàn nhất trí với quan điểm của chồng bà là ông Nguyễn Văn T, bà không có quan điểm gì thêm nữa.

**) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có quan điểm:* Bà hoàn toàn nhất trí với trình bày và quan điểm khởi kiện của chồng bà là ông Lê Văn R.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/TCDS-ST ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R và yêu cầu độc lập của ông T1, bà H.

- Buộc ông T, bà P phải trả cho ông R, bà N, ông T1, bà H toàn bộ diện tích 100.322,3m2 đầm và bồi thường cho vợ chồng ông R, bà N số tiền 77.916.600 đồng; Ông R, bà N phải thanh toán cho ông T, bà P số tiền 70.000.000 đồng.

- Tuyên bố giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng đầm ngày 04/3/2012 giữa gia đình ông T1, bà H và gia đình ông T, bà P vô hiệu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng vợ chồng bà không phải bồi thường số tiền 77.916.600 đồng cho ông Lê Văn R. Ngày 23/01/2019, bà P sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 21/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Quyết định kháng nghị số 31/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/TCDS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, thẩm định và áp dụng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị P giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P có quan điểm: Cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị và có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Do bản án sơ thẩm có vi phạm trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 26/10/2018 của bà P và Quyết định kháng nghị số 31/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đều làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 23/01/2019 và tại phiên tòa bà P có quan điểm kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo trình tự sơ thẩm. Xét thấy nội dung kháng cáo của bà P trùng với một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bà P và kháng nghị của Viện kiểm sát thấy:

Ngày 12/7/2016 ông Lê Văn R và bà Nguyễn Thị N được UBND thị xã Quảng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC375007 với diện tích 50.000m2 đầm nuôi trồng thủy. Ngày 12/7/2016 ông Hoàng Văn T1, bà Đỗ Thị H được UBND thị xã Quảng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC375479 với diện tích 50.322,3m2 đầm nuôi trồng thủy sản. Do không có điều kiện kinh tế để đắp bờ ngăn cách, vợ chồng ông R và vợ chồng ông T1 thỏa thuận với nhau là mỗi bên được nuôi trồng thủy sản trong vòng 06 năm trên diện tích 100.322,3m2, vợ chồng ông T1 sẽ sử dụng trước bắt đầu từ cuối năm 2011 đến ngày 30/12/2017, vợ chồng ông R được sử dụng trong vòng 06 năm từ 01/01/2018 đến ngày 30/12/2023 và cứ tiếp tục luân phiên nhau nuôi trồng thủy sản.

Trong quá trình vợ chồng ông T1 sử dụng đầm, năm 2012 ông bà cho vợ chồng ông T, bà P thuê lại toàn bộ diện tích đầm thủy sản trong thời hạn 03 năm từ năm 2012 đến năm 2015, giá thuê là 200 triệu đồng. Ngày 04/3/2012 vợ chồng ông T1 kies kết hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông T 2,5ha đầm trong tổng số 50.322,3m2 đã được cấp giấy chứng nhận. Hết 06 năm sử dụng đầm của vợ chồng ông T1 trong thỏa thuận luân phiên sử dụng với vợ chồng ông R, vợ chồng ông T1 không giao toàn bộ diện tích đầm cho vợ chồng ông R. Ông R khởi kiện buộc ông T phải trả lại 100,322,3m^2 đầm và được cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 02379 ngày 12/7/2016 thì ông R chỉ có quyền sử dụng 50.000m^2 đầm nên ông chỉ có quyền khởi kiện ông T đòi lại diện tích đầm của mình đã được cấp mà ông T đang chiếm giữ. Trường hợp ông R đòi quyền sử dụng toàn bộ diện tích đầm theo thỏa thuận với vợ chồng ông T1 thì ông R chỉ có quyền khởi kiện vợ chồng ông T1 mà thôi.

Việc cấp sơ thẩm thụ lý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông R là vượt quá quyền khởi kiện của ông R.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đầm ngày 04/3/2012 giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông T vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết yêu cầu này theo đúng qui định pháp luật. Tuy nhiên, mặc dù ông T1 không đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu nhưng theo hướng dẫn tại mục 2 phần III Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì "*Tòa án phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, việc giải thích phải ghi vào biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án. Trường hợp Tòa án đã giải thích nhưng tất cả các đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu và không phải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*". Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào đơn yêu cầu của ông T1 mà chưa giải thích hay hỏi vợ chồng ông T và bà H về việc có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu hay không và không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là thiếu sót ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T. Tại phiên tòa, ông T và bà P xác nhận không được Tòa án thích nên ông bà không biết để yêu cầu, bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà, vì vậy ông bà đề nghị hủy bản án sơ thẩm để ông bà được thực hiện đầy đủ các quyền theo qui định pháp luật.

Xem xét bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy còn có những sai sót như sau: Ông T1 có yêu cầu độc lập đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đầm vô hiệu nhưng bản án sơ thẩm đã xác định thiếu quan hệ tranh chấp này trong vụ án. Ngoài ra, ông R chỉ có quyền yêu cầu vợ chồng ông T1 phải bồi thường do không thực hiện giao đầm đúng thỏa thuận chứ không có quyền yêu cầu ông T bồi thường vì vậy bản án xác định ông T phải bồi thường cho ông R là không đúng. Hơn nữa, những công trình mà ông R và ông T xây dựng trên diện tích đầm được cấp của vợ chồng ông T1 thì phải giao cho vợ chồng ông T1 được quyền sở hữu và thanh toán giá trị cho ông T và ông R nhưng bản án sơ thẩm không giao quyền sở hữu cho vợ chồng ông T1 và lại buộc vợ chồng ông R phải thanh toán là không đúng.

Xét thấy, Tòa án sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bà P, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Đỗ Thị P được chấp nhận nên bà P được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Khoản 2 Điều 310; Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P và Quyết định kháng nghị số 31/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/TCDS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên về việc "*Kiện đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại*" giữa nguyên đơn là ông Lê Văn R với bị đơn là ông Nguyễn Văn T; Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Trả lại bà Đỗ Thị P tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0003123 ngày 31/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

Bán án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án thị xã Quảng Yên;
- Thi hành án
- Văn phòng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang